TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2025/KDTM - PT
Ngày: 13-9-2025
V/v: "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Minh Phượng

Ông Vũ Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 13 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2025/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"*

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2025/KDTM-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (nay là Toà án nhân nhân khu vực 3 – Đà Nẵng) bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 203/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 378/2025/QĐ – PT ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần Đ**; địa chỉ :1 đường Đ, khu phố A, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Văn S, sinh năm 1961, CCCD số 040061000144; Địa chỉ: D K, phường V, TP .; Là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy uỷ quyền ngày 18/8/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Đ). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* **Công ty Trách nhiệm hữu hạn A**, địa chỉ: Lô I đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng). Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Xuân L – Giám đốc Công ty. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Đặng Xuân L1**, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Tổ E phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng). Là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Bà **Võ Thị Thu H,** sinh năm: 1963; Địa chỉ: Tổ E phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng). Là thành viên góp vốn của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Thu H: Luật sự Lê Văn L2, thẻ Luật sư số 20906/LS do L3 doàn Luật sư Việt Nam cấp ngày 04/04/2024, thuộc Văn phòng L4, Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có mặt

3. Viện kiểm sát kháng nghị: Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-KDTM ngày 09/7/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ: Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Văn S trình bày:*

Ngày 28/02/2019, Công ty Cổ phần Đ (Công ty Đ) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (Công ty A) ký kết Hợp đồng mua bán bê tông trộn sẵn và dịch vụ đi kèm số: 07/HĐMB-NT/2019 với nội dung như sau: Công ty Đ sẽ cung cấp bê tông thương phẩm đảm bảo các yêu cầu, chỉ tiêu kỹ thuật, theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành để thi công công trình: "Dự án: Trạm biến áp 500 KV và đấu nối, gói thầu: DH-W15 - Xây lắp trạm, quốc lộ N, xã H và xã H, huyện Đ, tỉnh Long An". Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng và tiến độ. Tổng giá trị bê tông là 611.020.000 đồng, tổng giá trị Công ty A đã thanh toán là: 480.000.000 đồng, còn nợ số tiền 131.020.000 đồng. Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu Công ty A thanh toán số tiền hàng còn nợ nhưng Công ty A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, Công ty Đ đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty A phải thanh toán cho Công ty Đ tổng số tiền là: 187.017.589 đồng; trong đó: tiền nợ gốc là: 131.020.000 đồng và nợ lãi là 55.997.589 đồng (tính đến ngày 31/10/2022).

Tại đơn đề nghị rút một phần yêu cầu số 0306/2025-NTDN ngày 03/6/2025 và tại bản tự khai đề ngày 03/6/2025 của Công ty Đ thì nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, theo đó: Buộc Công ty A, ông Đặng Xuân L1 là người đại diện theo pháp luật và bà Võ Thị Thu H là thành viên của Công ty A có trách nhiệm trả cho Công ty Đ số tiền nợ do mua bán hàng hoá là

131.020.000 đồng và Công ty Đ rút yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với số tiền 80.837.545 đồng.

** Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo kết quả xác minh do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đ (nay là Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Đ) cung cấp thể hiện: Công ty A đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số QDTH/10129834 ngày 16/02/2023. Tòa án cấp sơ thẩm đã bổ sung ông Đặng Xuân L1 (là người đại diện theo pháp luật của Công ty A) và bà Võ Thị Thu H (là thành viên góp vốn của Công ty A) là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty A. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần cho người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty A để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty A vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2025/KDTM-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 38, 39, 74, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật TTDS;
- Điều 24, Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại;
- Điều 207, 209 Luật Doanh nghiệp;
- Điều 74 Bộ luật Dân sự;
- Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn A, ông Đặng Xuân L1 (là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A) và bà Võ Thị Thu H (là thành viên góp vốn của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A) về việc tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn A, ông Đặng Xuân L1 (là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A) và bà Võ Thị Thu H (là thành viên góp vốn của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A) có trách nhiệm liên đới

trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền nợ 131.020.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 10 tháng 07 năm 2025, Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐ-VKS-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do: Toà án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án như sau

- Về tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm căn cứ việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn A đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số QDTH/10129834 ngày 16/02/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đ (nay là Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Đ) để xác định tư cách người tham gia tố tụng của ông Đặng Xuân L1 và bà Võ Thị Thu H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A là thiếu cơ sở bởi lẽ: Theo công văn số 386/CV-ĐKKD ngày 08/7/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng thì Công ty A đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không có nội dung thể hiện Công ty A đã chấm dứt hoạt động, bị giải thể. Toà án cấp sơ thẩm nhận định Công ty A không còn đủ điều kiện quy định tại điểm a và d khoản 1 Điều 74 Bộ luật Dân sự nên chấm dứt tư cách pháp nhân là áp dụng không đúng pháp luật.

Thủ tục tống đạt cho ông Đặng Xuân L1 và bà Võ Thị Thu H không đảm bảo, Toà án cấp sơ thẩm không tống đạt trực tiếp được cho ông Đặng Xuân L1 và bà Võ Thị Thu H do ông L1 và bà H đã đi khỏi nơi cư trú, việc niêm yết văn bản tố tụng không bảo đảm cho ông L1 và bà H biết được nội dung Toà án giải quyết

Tại đơn khởi kiện ban đầu ngày 18/11/2022, Công ty Đ chỉ yêu cầu Công ty A trả nợ cho mình, Toà án nhân dân quận 12, TP . và Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ đã thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị rút một phần yêu cầu số 0306/2025-NTDN ngày 03/6/2025 và bản tự khai đề nghị 03/6/2025, Công ty Đ mới đề nghị HĐXX xem xét buộc Công ty A, ông Đặng Xuân L1 và bà Võ Thị Thu H có trách nhiệm trả nợ cho Công ty Đ, yêu cầu này được đưa ra sau khi Toà án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và được HĐXX chấp nhận thụ lý bổ sung, giải quyết ngay tại phiên toà là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, vi phạm nghiêm trọng quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ về việc buộc bị đơn Công ty A, ông Đặng Xuân L1 là người đại diện theo pháp luật và bà Võ Thị Thu H là thành viên của Công ty A có trách nhiệm thanh toán số nợ do mua bán hàng hoá là 131.020.000 đồng, thì thấy: Công ty Đ và Công ty A có ký kết Hợp đồng mua bán bê tông trộn sẵn và dịch vụ đi kèm để mua bán các sản phẩm thép bê

tông thương phẩm ngày 28/02/2019. Hợp đồng này có hiệu lực theo quy định tại Điều 24 Luật Thương mại. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ là các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty Đ đã xuất cho người mua hàng là Công ty A là chưa đủ cơ sở. Hồ sơ có biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/3/2022 đến ngày 31/10/2022, nhưng không có ký xác nhận của đại diện Công ty A. Ngoài ra, Hội đồng xét xử cũng chưa làm rõ từng hoá đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 611.020.000 đồng mà Công ty Đ xuất ra đã được Công ty A kê khai thuế đầu vào hay chưa, từ đó mới có đầy đủ cơ sở xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ đối với Công ty A.

Về chủ thể có trách nhiệm trả nợ: Toà án cấp sơ thẩm nhận định Công ty A không còn tư cách pháp nhân và đã đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ vào tham gia tố tụng nhưng vẫn tuyên buộc Công ty A phải có trách nhiệm trả nợ là không đúng pháp luật.

Do, Toà án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ và chứng minh; đồng thời cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tống đạt và cả nội dung vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2025/KDTM-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Căn cứ trình bày của bà Võ Thị Thu H tại phiên tòa phúc thẩm, có cơ sở xác định: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, mặc dù không nhận được các văn bản tố tụng nhưng bà H nhận được điện thoại và có đến Tòa án để làm việc trực tiếp với Thẩm phán về nội dung vụ kiện. Bà H có biết Công ty Đ khởi kiện Công ty A tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ liên quan đến số tiền mua bán hàng hóa còn nợ 131.020.000 đồng. Bà H đã thông báo ông Đặng Xuân L1 – Giám đốc Công ty A về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ. Tuy nhiên, Công ty A, ông L1 và bà H không có ý kiến phản đối đối với số tiền còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia tố tụng theo các thông báo, triệu tập của Tòa án cấp sơ thẩm được xem là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Vì vậy, Bản án sơ thẩm xác định Công ty A còn nợ Công ty Đ số tiền mua bán bê tông trộn sẵn theo Hợp đồng đã ký với số tiền là 131.020.000 đồng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ buộc Công ty A thanh toán số tiền hàng còn nợ là 131.020.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thấy không cần thiết kháng nghị phần thủ tục tố tụng về thủ tục tống đạt và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Căn cứ khoản 2 Điều 284 BLTTDS, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thay đổi nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐ-VKS-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2025, đề nghị HĐXX sửa Bản án sơ thẩm theo

hướng: Xác định lại tư cách tố tụng của Đặng Xuân L1 và bà Võ Thị Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Buộc Công ty A có trách nhiệm trả cho Công ty Đ số tiền còn nợ là 131.020.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Về thời hạn, nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ngày 09 tháng 7 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-KDTM đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2025/KDTM-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (cũ). Nội dung kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm. Như vậy, về thời hạn và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đảm bảo theo quy định tại các Điều 278, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đào Văn S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty CP Đ và ông Đặng Xuân L1 là Giám đốc Công ty TNHH A là bị đơn cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[2.1] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của Công ty TNHH A và ông Đặng Xuân L1 và bà Võ Thị Thu H trong vụ án: Ngày 18/11/2022, Công ty Đ đã có đơn khởi kiện Công ty A yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ Hợp đồng mua bán bê tông trộn sẵn và dịch vụ đi kèm số: 07/HĐMB-NT/2019 ngày 28/02/2019 với số tiền 131.020.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán, được Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 104/2022/TB-TLVA ngày 30/11/2022. Do bị đơn Công ty A có trụ sở tại quận C, thành phố Đà Nẵng nên ngày 27/9/2023, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số: 91/2023/QĐST-KDTM chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giải quyết theo thẩm quyền. Theo Văn bản số: 386/CV-ĐKKD ngày 08/7/2024 về cung cấp thông tin doanh nghiệp của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đ (cũ), Công ty TNHH A đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) theo Quyết định số QĐTH/10129834 ngày 16/02/2023. Như vậy, nguyên đơn Công ty Đ đã khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp trước khi Công ty A bị thu hồi GCNĐKDN. Theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020: "*Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án…".* Sau

khi bị thu hồi GCNĐKDN, Công ty A cũng không thực hiện thủ tục giải thể, chưa bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý đã bị giải thể và xóa tên trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 209 Luật Doanh nghiệp. Như vậy, Công ty A chưa chấm dứt tồn tại, chưa chấm dứt tư cách pháp nhân nên vẫn là bị đơn trong vụ án và ông Đặng Xuân L1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty A theo hồ sơ doanh nghiệp trước khi bị thu hồi GCNĐKDN vẫn là người đại diện tham gia tố tụng.

[2.2] Công ty TNHH A là loại hình doanh nghiệp Công ty TNHA có 02 thành viên góp vốn là ông Đặng Xuân L1 (Giám đốc Công ty) và bà Võ Thị Thu H. Theo điểm a, khoản 2 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự quy định, trường hợp Công ty A đang tham gia tố tụng phải chấm dứt hoạt động, bị giải thể … thì ông Đặng Xuân L1 và bà Võ Thị Thu H mới là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng. Công ty A đang là đương sự trong vụ án bị thu hồi GCNĐKDN nhưng chưa bị giải thể như phân tích trên nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Đặng Xuân L1 và bà Võ Thị Thu H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty A là không đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, ông L1 và bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 207, 209 của Luật Doanh nghiệp. Do đó, HĐXX thay đổi tư cách tham gia tố tụng của ông Đặng Xuân L1 và bà Võ Thị Thu H trong vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc bản án sơ thẩm xác định bị đơn Công ty A đã chấm dứt tồn tại và ông L1 và bà H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty A là không đúng quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.3.1] Công ty Đ và Công ty A có ký kết Hợp đồng mua bán bê tông trộn sẵn và dịch vụ đi kèm số: 07/HĐMB-NT/2019 ngày 28/02/2019. Hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Điều 117, Điều 400 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 24 Luật Thương mại 2005. Theo tài liệu, chứng cứ do Công ty Đ cung cấp thể hiện, quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, Công ty Đ đã xuất cho Công ty A (Bên mua) 06 hóa đơn giá trị gia tăng, tổng cộng số tiền mua hàng là 611.020.000 đồng. Công ty A đã thanh toán cho Công ty Đ số tiền 480.000.000 đồng, còn nợ số tiền 131.020.000 đồng.

[2.3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị Thu H xác nhận, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm Tòa án đã thông báo cho bà về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ, nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà H đã thông báo cho ông Đặng Xuân L1 – Giám đốc Công ty A biết. Tuy nhiên, Công ty A, ông L1 và bà H không tham gia tố tụng theo các thông báo, triệu tập của Tòa án cấp sơ thẩm và cũng không có ý kiến phản đối đối với số tiền còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định Công ty A còn nợ Công ty Đ số tiền

mua bán bê tông trộn sẵn theo Hợp đồng đã ký với số tiền là 131.020.000 đồng là có căn cứ. Công ty A vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua theo quy định tại Điều 50, 55 của Luật Thương mại, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của Công ty Đ, nên Công ty Đ khởi kiện yêu cầu buộc Công ty A thanh toán số tiền hàng còn nợ là 131.020.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3.3] Tại đơn khởi kiện và các trình bày gửi đến Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án đến khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-KDTM ngày 22/4/2025, nguyên đơn Công ty Đ chỉ yêu cầu Công ty A là chủ thể trả nợ cho nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chỉ thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là Công ty A. Công ty A chưa chấm dứt tồn tại, chưa chấm dứt tư cách pháp nhân như đã phân tích tại phần [2.1] trên. Quá trình giải quyết vụ án Công ty Đ đều có đơn xin vắng mặt trong quá trình thực hiện các thủ tục tố tụng của Tòa án và xin xét xử vắng mặt. Nhưng Bản án sơ thẩm xác định bị đơn Công ty A đã chấm dứt tồn tại, đồng thời tuyên buộc cả ông Đặng Xuân L1 và bà Võ Thị Thu H phải có trách nhiệm liên đới cùng Công ty A trả cho Công ty Đ số tiền nợ 131.020.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật và vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án thụ lý giải quyết. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với nội dung này là có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, HĐXX chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐ-VKS-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2025 sau khi đã thay đổi theo ý kiến của đại diện VKSND thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2025/KDTM-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng), theo hướng đã phân tích trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của VKSND thành phố Đà Nẵng.

Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2025/KDTM-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3- Đà Nẵng).

Căn cứ:

- Điều 30, 35, 38, 39, 74, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật TTDS;
- Điều 74, Điều 117, Điều 400 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 24, Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại 2005;
- Điều 207, 209 Luật Doanh nghiệp 2020;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn A có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền nợ 131.020.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi 80.87.545 đồng của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn A phải chịu 6.551.000 đồng.

- Công ty Cổ phần Đ được hoàn trả 4.675.440 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004976 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6,7,7a,7b,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 7 - HCM;
- THADS Tp Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân khu vực 3 - ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Hiếu